TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 210/2020/QĐST-HNGĐ	*Hải An, ngày 19 tháng 10 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 241/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Bùi Thị Thu H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: T1, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số 16 V, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng.

2. Anh Trịnh Quang Hưng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: T1, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số 16 V, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Thu H1 và anh Trịnh Quang H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng ngày 10 tháng 4 năm 2003 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời trình bày của hai bên và tại phiên hòa giải ngày 09 tháng 10 năm 2020 cho thấy quá trình chung sống giữa chị H1 và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh chị bất đồng quan điểm sống, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Gia đình hai bên và Tòa án đã hòa giải mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Việc

chị H1 và anh H xin thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 19 và Điều 55 Luật hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị H1 và anh H về việc yêu cầu "Công nhận thuận tình ly hôn".

[2] Về con chung: Chị H1 và anh H có 02 con chung là Trịnh Nguyệt H, sinh ngày 23/12/2004 và Trịnh Mỹ L, sinh ngày 31/01/2012. Ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận giao cả 02 con chung cho chị Bùi Thị Thu H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; anh H có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Hằng là 5.000.000đồng/tháng, tính từ tháng 10/2020 đến khi con chung trưởng thành.

[3] Về tài sản chung: Chị H1 và anh H cùng xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị H1 và anh H mỗi người chịu ½ lệ phí theo quy định của pháp luật.

[5] Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 09/10/2020, ghi nhận việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của chị H1 và anh H gồm các nội dung từ [1] đến [4]. Xét việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Thị Thu H1 và anh Trịnh Quang H thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

+ Giao con chung hai con chung là Trịnh Nguyệt H, sinh ngày 23/12/2004 và Trịnh Mỹ L, sinh ngày 31/01/2012 cho chị Bùi Thị Thu H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trịnh Quang H có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Bùi Thị Thu H1 là 5.000.000đồng/tháng, tính từ tháng 10/2020 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Hằng cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Hưng phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị H1 và anh Hưng cùng xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị H1 và anh H mỗi người phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh, chị đã nộp đủ số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo Biên lai thu số 0017855 ngày 01/10/2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hải An;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An;
- UBND phường M, N, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, Văn phòng.

THẨM PHÁN

Đặng Văn Tuyến